TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1996; HKTT: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1993; HKTT: Ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa . Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn ngày 28/01/2019, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (bà A) trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2017. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã,

giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay, bà A đã về nhà cha mẹ ruột ở xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương sinh sống. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà A và ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 02/02/2018. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 05/4/2019 và tại phiên tòa, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông B):

Ông B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn (ông B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tìn h vắng mặt không lý do . Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 28/01/2019; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; 01 bản gốc giấy đăng ký kết hôn; bản tự khai; bản sao giấy khai sinh của cháu C; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, về nơi cư trú của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà A khởi kiện ông B về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 02/02/2018. Ông B có nơi cư trú tại ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà A có mặt, ông B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2017. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 15/9/2017. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Giữa bà A và ông B không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng từ tháng 10 năm 2018 đến nay bà A đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông B và bà A có cơ hội hòa giải, hàn gắn với nhau, thế nhưng ông B vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy ông B không mong muốn hòa giải với bà A để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 02/02/2018, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà A, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông B không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại ph iên tòa là có căn cứ , phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn đối với ông B.

2. Về con chung: Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 02/02/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012896 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan